TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Khmau

Ông Dương Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2025 về việc "*Ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Ngọc M, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1999; Số hộ chiếu: C8410292, Cục Q cấp ngày 21/10/2019.

Địa chỉ: Số G G, Columbia, SC 29212, USA (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy S, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1996; Số căn cước công dân số: 084096004585, Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Ngọc M trình bày*: Qua tìm hiểu, chị M, anh S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/02/2024. Sau khi đăng ký kết hôn, chị M

sống ở Việt Nam được khoảng một tuần thì quay về Hoa Kỳ sinh sống từ đó đến nay không còn liên lạc với anh S. Nhận thấy cuộc sống chung không thể hòa hợp, anh chị không còn tình cảm để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy S. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh S đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án, thời gian hòa giải và xét xử lần 1 và lần 2, nhưng anh S không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc M và cũng không có nộp tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Ngọc M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Duy S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ; Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Duy S. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị Trần Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy S; đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang định cư tại Hoa Kỳ nên căn cứ Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Trần Ngọc M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Nguyễn Duy S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều

238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Ngọc M và anh Nguyễn Duy S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/02/2024 (BL 07), nên hôn nhân giữa chị M và anh S là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nguyên nhân ly hôn, theo M khai hiện tại chị không còn liên lạc với anh S, hiện tại hai người ở hai nước khác nhau không có điều kiện chăm sóc cho nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân là vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị M, anh S không đạt được mục đích đó. Hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không liên lạc trao đổi nên việc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị , cho chị Trần Ngọc M và anh Nguyễn Duy S ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định ở phần trên, nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc chị Trần Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc M.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Duy S

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000120 ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long), chị đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã C, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu